

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2021.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hà Thị Dung.

2. Bà Nguyễn Thị Phương Thuý.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thuý – Kiểm sát viên*

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2021/QĐXX-ST ngày tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu N, sinh năm 2000.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở : Tổ dân phố A, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Tạ Đình V, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Hiện đang lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tạ Đình V đã tìm hiểu và có quan hệ tình cảm với nhau. Mặc dù hai bên gia đình không đồng ý, nhưng chị và anh V vẫn đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh chị không tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi đăng ký kết

hôn, chị và anh V không chung sống cùng nhau. Ngày 14/7/2019, anh V đi làm việc tại Nhật Bản và đi từ đó cho đến nay. Thời gian đầu hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, nhưng thời gian gần đây giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ do khoảng cách địa lý ở xa nhau, đến bất đồng về quan điểm với nhau nên sự liên lạc giữa vợ chồng dần ít đi. Dù hai bên đã cố gắng để hoà hợp nhưng cũng không thể hiểu nhau và thường xuyên tranh cãi mỗi khi nói chuyện. Bản thân chị xác định chị không còn tình cảm với anh V, nên chị có nguyện vọng được ly hôn với anh V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 01/12/2021 và ngày 14/12/2021 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Tạ Quang B, bà Quách Thị O – địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên là bố mẹ đẻ của anh Tạ Đình V, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, bà có thông tin cho anh V được biết việc chị N đang yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh V có trao đổi lại: *“Anh xác định anh và chị N có tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau. Sau đó có đăng ký kết hôn vào tháng 7/2019 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn anh V sang Nhật Bản làm việc, giữa anh và chị N không tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và không có thời gian chung sống cùng nhau. Nay chị N xin ly hôn anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn quan tâm nhau, yêu thương nhau nữa nên anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị N. Về con chung anh V xác định vợ chồng không có con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị giải quyết. Hiện nay anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Công văn số 25219/QLXNC-P5 ngày 26/10/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định: Anh Tạ Đình V, sinh ngày 07/10/1988, có thông tin xuất cảnh ngày 15/7/2019 qua cửa khẩu nội bài bằng hộ chiếu số C4499411, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Theo quy định tại Điều 37 và Điều

39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu N chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh V ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh V ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh V là ông Tạ Quang B và bà Quách Thị O, có đủ căn cứ xác định anh V vẫn liên hệ với ông bà nhưng ông bà cũng không cung cấp được địa chỉ của anh V và anh V cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông B và bà O cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của anh V ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về nội dung:** Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị Thu N và anh Tạ Đình V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị N khai: Chị và anh V có tình cảm yêu thương nhau nên cả hai giấu gia đình đi đăng ký kết hôn với nhau, sau đó anh V sang Nhật Bản để làm việc. Giữa chị và anh V không được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và không có thời gian chung sống với nhau. Thời gian đầu anh V sang nước ngoài vợ chồng vẫn giữ liên lạc, quan tâm đến nhau. Nhưng thời gian gần đây vợ chồng do bất đồng quan điểm, khoảng cách địa lý xa nhau nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Phía bị đơn anh V, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (bố mẹ đẻ anh V), anh cũng xác định quan hệ vợ chồng như chị N khai là đúng. Vợ chồng không còn tình cảm, hiện không còn giữ liên lạc, chị N xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa chị N và anh V không có sự tìm hiểu kỹ càng đã kết hôn, sau khi kết hôn không chung sống cùng nhau, nên sự hiểu biết, tình cảm yêu thương chia sẻ giữa vợ chồng không có. Đến nay anh chị đã không còn quan tâm, thương yêu nhau, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mục đích hôn nhân giữa chị N và anh V không đạt được, nên cần chấp nhận

yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh V là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị N và anh V đều xác định không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía anh V không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh V; Con chung không có, tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu N. Chị Phạm Thị Thu N được ly hôn với anh Tạ Đình V.

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Phạm Thị Thu N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000030 ngày 05/11/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh V được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thủy**